BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH

PHÁP LUẬT

DÙNG CHO ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

ÁI NGUYÊN
M HỌC LIỆU
071
A

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ThS. NGUYỄN HUY BẰNG *(Chủ biên)*
PGS. TS. NGUYỄN VĂN MẠNH – TS. VŨ HỒNG ANH
ThS. PHẠM THỊ KIM DUNG – TS. TRẦN THỊ CÚC

GIÁO TRÌNH

PHÁP LUẬT

(Dùng cho đào tạo trình độ Trung cấp chuyên nghiệp)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

730 - 2009/CXB/4 - 1377/GD

Mã số: 7L238Y9 – DAI

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 01 tháng 7 năm 2008, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 33/2008/QĐ - BGDĐT ban hành Chương trình môn học pháp luật dùng cho đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp. Để phục vụ công tác giảng dạy và học tập môn pháp luật ở trình độ trung cấp chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn giáo trình mới nhằm cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức quy định trong Chương trình nói trên, thay thế cho giáo trình môn học pháp luật (tập bài giảng dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề).

Giáo trình *Pháp luật* dùng cho đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp gồm 10 bài với thời lượng 20 tiết thuộc phần bắt buộc trên tổng số 30 tiết của Chương trình môn học pháp luật nói trên.

Nội dung bốn bài đầu đề cập một số vấn đề cơ bản của lý luận nhà nước và pháp luật, những nội dung khái quát về bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật. Nội dung sáu bài sau của giáo trình giới thiệu khái quát một số ngành luật giữ vai trò nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Nhà nước, Luật Hành chính, Luật Lao động, Luật Dân sự, Luật Hình sự và Pháp luật về tố tụng. Ngoài ra, một số vấn đề pháp luật khác sẽ được đề cập ở phần tự chọn.

Các tác giả đã cố gắng lựa chọn vấn đề, sử dụng cách thức trình bày phù hợp với đối tượng học sinh trung cấp chuyên nghiệp và theo đúng thời lượng của Chương trình đã được ban hành. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, việc biên soạn giáo trình không tránh khỏi những khiếm khuyết. Vì vậy, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để giáo trình được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sắp tới.

Mọi góp ý xin gửi về Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội hoặc gửi qua thư điện tử theo địa chỉ:
ntndiep@moet.gov.vn

VỤ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÀI 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

I. BẢN CHẤT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC

1.1. Bản chất của nhà nước

Nhà nước là vấn đề hết sức phức tạp được nhìn nhận và lý giải dưới nhiều góc độ khác nhau. Chủ nghĩa Mác - Lênin với bản chất cách mạng của mình đã giải thích về nguồn gốc, bản chất của nhà nước một cách khoa học nhất. Theo đó, xã hội loài người vốn không có nhà nước. Con người ta sống với nhau trong các thị tộc, bộ lạc. Do lao động sản xuất phát triển và sự phân công lao động làm xuất hiện chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp trong xã hội. Đó là những tiền đề cơ bản, khách quan để nhà nước ra đời.

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội.

Nghiên cứu nguồn gốc và sự ra đời của nhà nước, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ: "Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được thì Nhà nước xuất hiện". Như vậy, nhà nước chỉ ra đời, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp và chính vì thế nhà nước luôn luôn mang bản chất giai cấp sâu sắc. Nhà nước xuất hiện từ sự cần thiết phải kiềm chế sự đối lập giữa các giai cấp và đồng thời cũng xuất hiện trong những cuộc xung đột giữa các giai cấp ấy cho nên theo quy luật chung, nó là nhà nước của giai cấp mạnh nhất. Sự thống trị của nhà nước thể hiện ở quyền lực chính trị, quyền lực kinh tế và quyền lực tư tưởng. Quyền lực chính trị của nhà nước là bạo lực có tổ chức bắt buộc xã hội phải tuân theo. Quyền lực kinh tế biểu hiện ở việc nhà nước điều tiết nền kinh tế, nắm giữ các nguồn lực kinh tế cơ bản của đất nước. Quyền lực về tư tưởng biểu hiện ở việc nhà nước thông

qua bộ máy của mình để xây dựng hệ tư tưởng của xã hội. Từ sự phân tích trên cho thấy, tính giai cấp của Nhà nước được thể hiện ở chỗ nhà nước là công cụ, là bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay giai cấp cầm quyền, để bảo vệ lợi ích kinh tế, để thực hiện sự thống trị về chính trị và thực hiện sự tác động về tư tưởng của nó đối với toàn xã hội.

Tính giai cấp là mặt cơ bản thể hiện bản chất của nhà nước. Tuy vậy, với tư cách là bộ máy thực thi quyền lực công cộng, nhằm duy trì trật tự và sự ổn định của xã hội, nhà nước còn thể hiện tính xã hội của nó, bởi lẽ nhà nước sinh ra không chỉ do nhu cầu thống trị giai cấp mà còn do nhu cầu tổ chức, điều hành và quản lý xã hội. Với tư cách là một tổ chức quyền lực công, nhà nước phải giải quyết nhiều vấn đề nảy sinh trong xã hội vì lợi ích chung và sự phát triển của toàn xã hội. Nếu chỉ tính đến lợi ích của giai cấp thống trị hay lực lượng cầm quyền, nhà nước chắc chắn sẽ gặp phải sự phản kháng mãnh liệt của các lực lượng xã hội khác và sẽ khó tồn tại được lâu dài. Trong chừng mực nhất định, nhà nước phải đóng vai trò trọng tài nhằm dung hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp, lực lượng xã hội nhằm bảo vệ lợi ích chung của cả cộng đồng. Vì thế, trong bất cứ xã hội nào, bên cạnh việc bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, nhà nước cũng buộc phải chú ý đến lợi ích chung của xã hội, giải quyết những vấn đề mà đời sống cộng đồng xã hội đặt ra như phát triển giáo dục, y tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi xã hội: đường sá, cầu cống, trường học, bệnh viện...; tổ chức điều hành và quản lý các dịch vụ công, đấu tranh phòng chống tội phạm v.v...

Tính giai cấp và tính xã hội là thuộc tính chung của tất cả các nhà nước song mức độ thể hiện của hai thuộc tính này và mối tương quan giữa chúng trong quá trình hoạt động của nhà nước không giống nhau ở các nhà nước khác nhau. Các nhà nước bóc lột đều có bản chất chung là bộ máy để thực hiện nền chuyên chính của giai cấp bóc lột. Các nhà nước này đều có đặc điểm chung là duy trì sự thống trị về chính trị, kinh tế và tư tưởng của một thiểu số người bóc lột để đàn áp và bóc lột đa số nhân dân lao động. Trái lại, nhà nước xã hội chủ nghĩa, với bản chất chuyên chính vô sản, là bộ máy để củng cố địa vị thống trị và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chiếm đa số trong xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, do đó có bản chất khác với bản chất của các nhà nước bóc lột.

Sự khác biệt về bản chất giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa và các nhà nước bóc lột thể hiện trên cả phương diện bản chất giai cấp, bản chất dân chủ và vai trò sáng tạo, xây dựng xã hội mới.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, tức là nhà nước do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đường lối, chính sách của Đảng chỉ đạo toàn bộ tổ chức và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Bản chất dân chủ của nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện ở chỗ dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động trực tiếp xây dựng nhà nước, tham gia quản lý nhà nước; nhà nước là tổ chức chính trị của nhân dân. Nhân dân lao động từ địa vị là những người bị áp bức, bóc lột trở thành người chủ xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức chính trị của nhân dân và là công cụ để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình. Nhân dân tham gia xây dựng nhà nước, tham gia quản lý nhà nước, thực hiện việc giám sát hoạt động của nhà nước.

Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa còn được xem xét dưới góc độ nó là công cụ tổ chức và xây dựng xã hội mới. Khi đã trở thành giai cấp thống trị về chính trị, giai cấp công nhân không có mục đích dùng nhà nước để duy trì địa vị thống trị của mình mà xây dựng nhà nước đó trở thành công cụ của chính nhân dân lao động để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xoá bỏ áp bức, bóc lột và mọi bất công xã hội. Như vậy, nhà nước xã hội chủ nghĩa không đơn thuần chỉ là bộ máy hành chính - cưỡng chế, mà nó còn là bộ máy có vai trò tổ chức, quản lý kinh tế, văn hoá xã hội. Ngay bộ máy hành chính - cưỡng chế của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng có đặc điểm và bản chất khác với bộ máy nhà nước của các giai cấp bóc lột, vì đây là bộ máy của đa số nhân dân lao động trấn áp thiểu số giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ nhưng đang âm mưu ngóc đầu dậy và trấn áp những phần tử chống đối chủ nghĩa xã hội để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Đặc trưng cơ bản của nhà nước

So với cơ cấu tổ chức, thực hiện quyền lực và quản lý của thị tộc, bộ lạc, liên minh bộ lạc trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ cũng như so với các tổ chức khác trong xã hội có giai cấp, nhà nước có các đặc trưng cơ bản sau đây:

– *Nhà nước thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt:* Trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ, quyền lực chưa tách khỏi xã hội mà gắn liền với xã hội, hoà nhập với xã hội chưa có giai cấp nên chưa có nhà nước. Quyền lực đó do toàn xã hội tổ chức ra, chưa mang tính giai cấp, phục vụ lợi ích chung của cả cộng đồng. Khi xuất hiện nhà nước, quyền lực công cộng đặc biệt được thiết lập. Chủ thể của quyền lực này là giai cấp thống trị về kinh tế và chính trị. Để thực hiện quyền lực này và để quản lý xã hội, nhà nước có một lớp người đặc biệt chuyên làm nhiệm vụ quản lý. Họ tham gia vào các cơ quan nhà nước và hình thành một bộ máy cưỡng chế để duy trì địa vị và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, bắt các giai cấp khác phải phục vụ theo ý chí của giai cấp thống trị. Như vậy, quyền lực công cộng đặc biệt này đã tách khỏi xã hội, mang tính giai cấp sâu sắc và chỉ phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị.

– *Nhà nước có lãnh thổ và phân chia dân cư theo lãnh thổ:* Lãnh thổ, dân cư là các yếu tố cấu thành quốc gia. Quyền lực của nhà nước được thực hiện trên toàn bộ lãnh thổ, nhà nước thực hiện việc phân chia dân cư theo lãnh thổ thành các đơn vị hành chính, không phụ thuộc vào chính kiến, huyết thống, nghề nghiệp hoặc giới tính... Việc phân chia này bảo đảm cho hoạt động quản lý của nhà nước tập trung, thống nhất. Người dân có mối quan hệ với Nhà nước bằng chế định quốc tịnh, chế định này xác lập sự phụ thuộc của công dân vào một nhà nước nhất định và ngược lại nhà nước phải có những nghĩa vụ nhất định đối với công dân của mình.

– *Nhà nước có chủ quyền quốc gia:* Chủ quyền quốc gia là quyền tối cao của nhà nước về đối nội và độc lập về đối ngoại. Tất cả mọi cá nhân, tổ chức sống trên lãnh thổ của nước sở tại đều phải tuân thủ luật pháp của nhà nước. Nhà nước là người đại diện chính thức, đại diện về mặt pháp lý cho toàn xã hội về đối nội và đối ngoại. Chủ quyền quốc gia thể hiện quyền độc lập tự quyết của nhà nước về những chính sách đối nội và đối ngoại, không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài. Chủ quyền quốc gia là thuộc tính gắn với nhà nước.

– *Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật*: Với tư cách là đại diện chính thức cho toàn xã hội, là người thực thi quyền lực công cộng, duy trì trật tự xã hội, nhà nước là tổ

chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và áp dụng pháp luật để quản lý xã hội. Pháp luật do nhà nước ban hành có tính bắt buộc chung và được nhà nước bảo đảm thực hiện với các biện pháp tổ chức, cưỡng chế, thuyết phục.

– *Nhà nước có quyền quy định và thực hiện việc thu các loại thuế* dưới hình thức bắt buộc, với số lượng và thời hạn ấn định trước. Nhà nước đặt ra các loại thuế vì nhu cầu nuôi dưỡng bộ máy nhà nước - lớp người đặc biệt, tách ra khỏi lao động, sản xuất để thực hiện chức năng quản lý. Chỉ có nhà nước mới được độc quyền quy định các loại thuế và thu thuế vì nhà nước là tổ chức duy nhất có tư cách đại biểu chính thức của toàn xã hội để thực hiện sự quản lý xã hội.

1.3. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ra đời từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, ngay từ những ngày đầu, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà - nay là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thể hiện bản chất của một nhà nước gắn bó chặt chẽ và phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định trong Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) "Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức" (Điều 2).

Bản chất của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện ở những đặc trưng cơ bản sau đây:

– Nhân dân là chủ thể cao nhất của quyền lực nhà nước: Nhà nước của nhân dân, do nhân dân mà nòng cốt là liên minh công nông và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ thể cao nhất có quyền định đoạt quyền lực là nhân dân. Với tư cách là chủ thể cao nhất của quyền lực nhà nước, nhân dân thực hiện quyền lực dưới những hình thức khác nhau, trong đó hình thức cơ bản nhất là nhân dân thông qua bầu cử để lập ra các cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của mình.

– Nhà nước là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết các dân tộc anh em cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Nhà nước ta là một nhà nước nhiều dân tộc, là tổ chức quyền lực chính trị đại diện cho ý chí và bảo vệ lợi